CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
DN: C=VN, S=CAO BẰNG, L=TP CAO BẰNG, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4800129232
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2021.06.15 14:43:36+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội.

3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung được quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội được thực hiện thành công và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Chương II
ĐIỀU KIỆN THAM DỰ ĐHĐCĐ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG, NGƯỜI THAM DỰ ĐHĐCĐ

Điều 3. Điều kiện tham dự ĐHĐCĐ

Là các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu của Công ty) của một hoặc nhiều cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách ngày 12/4/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) xác nhận.

Điều 4. Quyền của cổ đông và người được đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

1. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ, người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Trường hợp cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện.

3. Được Ban tổ chức thông báo công khai nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

4. Phát biểu, thảo luận và biểu quyết tất cả các nội dung trong chương trình ĐHĐCĐ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Tại ĐHĐCĐ, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự ĐHĐCĐ được nhận Thẻ biểu quyết (trong đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số cổ phần có quyền biểu quyết) của cổ đông đó sau khi đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

6. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại ĐHĐCĐ.

7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký, trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự ĐHĐCĐ mang theo các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng minh thư nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực.

b) Giấy ủy quyền theo mẫu gửi kèm theo Thông báo mời họp ĐHĐCĐ. Trường hợp được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ: nếu cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó; nếu cổ đông là pháp nhân/ tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và ký bởi đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

c) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau khi đã thực hiện các thủ tục đăng ký và chứng minh tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của mình là hợp lệ với Ban kiểm tra thông tin cổ đông.

2. Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác mà không có thông báo bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì cổ đông đó khi tham dự ĐHĐCĐ không nhận Thẻ biểu quyết tại ĐHĐCĐ nếu người được ủy quyền của họ đã làm thủ tục nhận Thẻ biểu quyết.

3. Người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ không được ủy quyền lại cho bên thứ ba.

4. Trong thời gian diễn ra ĐHĐCĐ, cổ đông/đại diện của cổ đông phải tuân thủ theo hướng dẫn, điều khiển của Chủ tọa, tôn trọng kết quả làm việc của ĐHĐCĐ, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ cụ thể Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của Điều lệ Công ty.

6. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết mà không thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó coi như là "không có ý kiến" với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ sau đó. Trường hợp cổ đông rời cuộc họp trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết, nhưng đã thông báo với Ban kiểm phiếu thì cổ đông đó được coi là không tham gia biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6. Chủ tọa Đại hội

1. Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa Đại hội.

2. Chủ tọa Đại hội có thể mời thêm thành viên HĐQT, Ban điều hànhCông ty để cùng điều hành ĐHĐCĐ.

3. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm sau:

a) Chủ trì, điều khiển ĐHĐCĐ;

b) Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội;

c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d) Trả lời hoặc chỉ định thành viên Ban chủ tọa trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

đ) Làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung, dân chủ, điều hành Đại hội một cách hợp lệ, nghiêm túc và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

4. Chủ tọa Đại hội có quyền sau:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến hành cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội;

c) Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 146, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội gồm 02 thành viên do Chủ tọa đề cử để giúp việc ĐHĐCĐ và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Thư ký Đại hội có nhiệm vụ:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung của Đại hội.

b) Dự thảo kết luận và thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu. Trình bày trước ĐHĐCĐ về biên bản họp và dự thảo Nghị quyết của Đại hội.

c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu, ý kiến khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tối đa không quá 11(mười một) thành viên, gồm 01(một) Trưởng ban và các thành viên kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua theo đề nghị của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm phiếu

a) Hướng dẫn cổ đông tham dự ĐHĐCĐ cách sử dụng thẻ biểu quyết. Thực hiện việc kiểm, đếm thẻ biểu quyết theo từng loại: tán thành, không tán thành, không có ý kiến ngay sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.

b) Ghi nhận kết quả biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại ĐHĐCĐ.

c) Tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả biểu quyết các vấn đề của ĐHĐCĐ.

d) Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

e) Bàn giao lại Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội.

f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm tra thông tin cổ đông

1. Ban kiểm tra thông tin cổ đông tối đa không quá 3 (ba) thành viên, gồm Trưởng ban và các thành viên để thực hiện chức năng và nhiệm vụ như sau:

a) Kiểm tra thông tin cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông đến dự họp: Yêu cầu cổ đông tham dự ĐHĐCĐ và khách mời xuất trình Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Hộ chiếu, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).

b) Phát cho cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự họp: Thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra thông tin cổ đông dự họp ĐHĐCĐ tại các thời điểm sau:

- Trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

- Trước mỗi lần biểu quyết của Đại hội nếu có sự thay đổi về số cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ (khi cổ đông đến muộn đăng ký dự họp).

d) Thực hiện các công việc khác do Ban tổ chức ĐHĐCĐ hoặc Chủ tọa Đại hội phân công.

2. Trường hợp người đến dự họp không đầy đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ thì Ban kiểm tra thông tin cổ đông có quyền từ chối quyền dự họp của người đó, từ chối cấp thẻ biểu quyết và các tài liệu khác có liên quan đến cuộc họp.

Chương III
CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI

Điều 10. Tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông đã chốt ngày 12/4/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam xác nhận. Ban kiểm tra thông tin cổ đông thông báo số lượng tham dự, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà các cổ đông đại diện và tỷ lệ tham dự để Đại hội có thể tiến hành theo quy định.

2. Trường hợp ĐHĐCĐ không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 nói trên thì việc triệu tập và ĐHĐCĐ các lần tiếp theo sẽ được tiến hành theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 11. Chương trình, nội dung làm việc của Đại hội

1. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ thời gian đối với các nội dung trong chương trình họp.

2. Trình tự tổ chức Đại hội *(Xem chương trình Đại hội gửi kèm theo)*

3. Trường hợp có thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, các thay đổi phải được ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 12. Thảo luận và chất vấn tại Đại hội

1. Căn cứ vào số lượng cổ đông tham dự và thời lượng cho phép của Đại hội, Chủtọa Đại hội có thể lựa chọn phương pháp điều khiển cuộc họp hợp lý nhất. Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận, đưa ra ý kiến chất vấn bằng cách giơ tay đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa hoặc điền vào phiếu câu hỏi gửi cho Thư ký đại hội để chuyển tới Chủ tọa đại hội.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội thông qua. Chủ tọa Đại hội có quyền đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

3. Đại hội thống nhất tổng thời lượng phát biểu của một cổ đông tối đa không quá 5 phút. Nếu quá thời lượng này, Chủ tọa Đại hội có thể yêu cầu cổ đông lập các câu hỏi, kiến nghị thành văn bản, Chủ tọa phải ghi nhận và Hội đồng quản trị trong phạm vi thẩm quyền của mình sẽ trả lời bằng văn bản cho cổ đông trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được kiến nghị của cổ đông.

Điều 13. Thể lệ biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc biểu quyết: Các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.

2. Hình thức biểu quyết: Cổ đông biểu quyết từng nội dung theo chương trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết nội dung biểu quyết được quy định cụ thể tại chương trình đại hội.

a) Khi biểu quyết một nội dung được Đại hội đưa ra, các cổ đông biểu quyết như sau:

- Bằng hình thức giơ thẻ: Cổ đông giơ thẻ biểu quyết lên cao;

b) Đối với từng nội dung cần biểu quyết, Chủ tọa sẽ hỏi ý kiến theo trình tự: tán thành; không tán thành; không có ý kiến.

3. Trường hợp phiếu không hợp lệ: (i) phiếu không do Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng phát hành (không đóng dấu của Công ty) (ii) Phiếu không có chữ ký và không ghi đầy đủ họ tên của cổ đông/ người được ủy quyền (iii) phiếu bị tẩy xóa hoặc ghi thêm những nội dung khác không do Chủ tọa đại hội yêu cầu (iv) phiếu không được đánh dấu bất kỳ một (01) ô nào trong từng một nội dung biểu quyết hoặc đánh dấu nhiều hơn một (01) ô cần lấy ý kiến.

4. Điều kiện thông qua

- Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền hợp pháp tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Thẻ biểu quyết

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra thông tin cổ đông phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp. Thẻ biểu quyết được ghi mã số, họ tên của cổ đông hoặc đại điện được ủy quyền của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp việc cho việc kiểm phiếu chính xác, thuận tiện.

2. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 15. Bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Bầu cử Hội đồng quản trị.

a. Nguyên tắc bầu cử Hội đồng quản trị

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo hình thức công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Phiếu bầu do Ban kiểm phiếu phát. Trên mỗi phiếu có ghi tên ứng viên được đề cử vào Hội đồng quản trị và được đóng dấu cơ quan treo trên góc phiếu bầu.

Khi được phát phiếu bầu, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần sở hữu mà họ đại diện (Tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện) ghi trên các phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu bầu cử được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên Phiếu bầu.

b. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại địa điểm họp Đại hội ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không được sử dụng.

Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát.

- Ban tổ chức không chịu trách nhiệm những trường hợp cổ đông làm mất phiếu bầu hoặc viết sai trên phiếu bầu.

- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi tên người ngoài ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

c. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị

Việc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị được căn cứ vào tổng số phiếu biểu quyết mà ứng cử viên nhận được.

d. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho ứng viên vào HĐQT.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

2. Bầu cử Ban kiểm soát

a. Nguyên tắc bầu cử Ban kiểm soát

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo hình thức công khai, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Phiếu bầu do Ban kiểm phiếu phát. Trên mỗi phiếu có ghi tên ứng viên được đề cử vào Ban kiểm soát và được đóng dấu cơ quan treo trên góc phiếu bầu.

Khi được phát phiếu bầu, cổ đông/đại diện cổ đông phải kiểm tra lại tổng số cổ phần sở hữu mà họ đại diện (Tổng số phiếu biểu quyết mà họ đại diện) ghi trên các phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay tại thời điểm nhận phiếu. Phiếu bầu cử được coi là hợp lệ khi có đầy đủ, chính xác các thông tin theo yêu cầu trên Phiếu bầu.

b. Tổ chức kiểm phiếu

Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại địa điểm họp Đại hội ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không được sử dụng.

Ban kiểm phiếu không được gạch xóa, sửa chữa trên phiếu bầu.

Những phiếu sau đây được coi là không hợp lệ:

- Phiếu không do Ban kiểm phiếu phát.

- Ban tổ chức không chịu trách nhiệm những trường hợp cổ đông làm mất phiếu bầu hoặc viết sai trên phiếu bầu.

- Phiếu tẩy xóa hoặc ghi tên người ngoài ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.

c. Nguyên tắc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Ban kiểm soát

Việc lựa chọn ứng cử viên trúng cử vào Ban kiểm soát được căn cứ vào tổng số phiếu biểu quyết mà ứng cử viên nhận được.

d. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho ứng viên vào BKS.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 16. Biên bản họp Đại hội, dự thảo nghị quyết Đại hội

1. Biên bản họp Đại hội: Tất cả các nội dung tại Đại hội phải được Thư ký ghi vào biên bản họp Đại hội. Chủ tọa và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản họp ĐHĐCĐ.

2. Biên bản họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản ĐHĐCĐ phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bế mạc ĐHĐCĐ.

3. Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm tra thông tin cổ đông, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu và các tài liệu ghi nhận diễn biến, kết quả của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản ĐHĐCĐ là cơ sở để đưa ra Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 17. Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ

Căn cứ biên bản họp Đại hội, báo cáo kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu. Thư ký Đại hội sẽ tổng hợp kết quả và đưa vào dự thảo Nghị quyết. Nghị quyết của ĐHĐCĐ gửi tới các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ bế mạc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng bao gồm 04 chương, 18 điều. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này. Các cổ đông tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

3. ĐHĐCĐ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bùi Tiến Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀLUYỆN KIM CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 160/TTr-KSLK

Cao Bằng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng "Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng"

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12 tháng 05 năm 2006 thông qua và đã được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2021 và các năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng "*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*" do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập;

Căn cứ vào Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng "*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*" do Tổ thẩm định của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng lập;

Các căn cứ khác có liên quan.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án, phục vụ cho chiến lược phát triển lâu dài cho sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua những nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng "*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*" do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án Khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình:

- Nhóm dự án: C
- Loại và cấp công trình: Công trình khai thác mỏ, khoáng sản; Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ: Công ty Cổ phần khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

- Địa chỉ: Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;
- Điện thoại: 0263. 505.505; Fax: 0263. 852.579;
- Website: www.cmamc.com.vn

5. Địa điểm xây dựng: Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 69.758.214.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng)* đã bao gồm thuế VAT.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay thương mại.

8. Thời gian thực hiện dự án: 13 năm

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên, TCVN 5326-2008.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên QCVN 04: 2009/BCT.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất nổ QCVN 01: 2019/BCT.
- Các quy phạm và tiêu chuẩn chuyên ngành thiết kế về xây dựng, giao thông, điện, nước, cơ khí, ...

10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Viện khoa học công nghệ mỏ - VINACOMIN.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao bằng gồm các nội dung chính như sau:

1. Tài nguyên, trữ lượng và biên giới khai trường.

- Căn cứ vào các báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và tài nguyên mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép – Cao Bằng đã được hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận tại Quyết định số 26/QĐ-HĐTL/CĐ ngày 28/5/2007; và báo cáo kết quả

nghiên cứu bổ sung ĐCTV – ĐCCT, tổng hợp các tài liệu và tính trữ lượng mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép – Cao Bằng được công nhận tại Quyết định số 1074/QĐ-HĐTLQG ngày 21/9/2017.

Tổng trữ lượng và tài nguyên của mỏ là 4968 tấn caxiterit, tương ứng 3.485 tấn kim loại thiếc. Trong đó:

- Trữ lượng cấp 122 là 3.436 tấn caxiterit tương đương 2.405 tấn kim loại thiếc.

- Tài nguyên cấp 333 là 1.543 tấn caxiterit tương đương 1.080 tấn kim loại thiếc.

- Biên giới khai trường: Trên cơ sở phân tích về tình hình kinh tế, nhu cầu tiêu thụ, chi phí sản xuất, doanh thu, giá bán sản phẩm và lựa chọn dựa trên các nguyên tắc lựa chọn biên giới khai trường để xác định các hệ số bóc kinh tế, hệ số bóc giới hạn đảm bảo dự án khả thi; trên cơ sở đó hệ số bóc giới hạn có thể đạt tới K_{gh} = 1,54 m^3/t.

Biên giới mỏ được xác định trong dự án nằm trong phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, wolfram, antimony đến năm 2025, có xét đến năm 2035 với khối lượng cụ thể như sau:

- Đất đá bóc: 23.688.780 m^3;

- Quặng nguyên khai: 17.141.395 tấn;

- Hệ số bóc biên giới, K_{bg} = 1,382 m^3/tấn

- Trữ lượng huy động vào dự án: Trữ lượng địa chất huy động vào khai thác thiết kế các phương án là: 17.200.565 Tấn quặng, hàm lượng trung bình 355,88 gam SnO_2/m^3.

2. Mở vỉa và trình tự khai thác.

Phương án mở vỉa theo dự án thiết kế là tạo diện công tác đầu tiên tại khu vực tuyến XIX để mở mỏ khu vực phía Tây, đầu vào khai trường mỏ. Hướng phát triển của mỏ tiến dần sang phía Đông của mỏ.

3. Công suất thiết kế, tuổi thọ dự án.

- Công suất thiết kế: 1,5 triệu tấn quặng nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ của dự án: T = 13 năm.

4. Hệ thống khai thác.

Với các đặc điểm hiện trạng tại thung lũng Nậm Kép một bên là chân núi đá vôi dựng đứng, một bên là các mỏm đồi, chiều dài của mỏ hơn 3.000m, nơi rộng nhất hơn 500m; Từ đó, dự án chọn hệ thống khai thác theo lớp bằng, có vận tải, đổ thải ngoài và đổ thải trong.

5. Công nghệ và dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác mỏ.

Với đặc điểm của một mỏ quặng sa khoáng, đất đá và quặng chủ yếu được xúc trực tiếp bằng máy xúc, trong đất đá đôi khi có lẫn các tảng đá cần làm tơi trước khi xúc bốc. Do đó, công nghệ khai thác được lựa chọn cho mỏ thiếc Nậm Kép là: Xúc bốc – vận tải – thải đá, đối với đá tảng được làm tơi bằng khoan nổ mìn trước khi xúc bốc.

6. Vận tải trong mỏ.

Trong dự án này, việc vận tải chủ yếu để vận tải quặng từ khai trường về xưởng tuyển, đất đá thải công trường ra bãi thải và đất đá thải từ xưởng tuyển ra bãi thải. Dựa trên các phân tích về kinh tế, hình thức vận tải phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp, dự án đã lựa chọn hình thức vận tải bằng ô tô đơn thuần là hợp lý.

7. Công tác thải đất đá mỏ và thải quặng đuôi.

Tổng khối lượng đất đá thải của dự án khai thác quặng sa khoáng Nậm Kép bao gồm các nguồn:

- Khai trường khai thác mỏ: 23.688.780 m^3.
- Đất đá + bùn thải sau tuyển thô: 8.113.068 m^3.

Khối lượng đất đá thải của mỏ, một phần được đổ thải vào khai trường mỏ Tĩnh Túc đang trong quá trình đóng cửa mỏ của Công ty, phần còn lại được đổ thải trong vào khai trường mỏ Nậm Kép.

Các thông số bãi thải được thiết kế đảm bảo an toàn bờ mỏ, đảm bảo an toàn trong thiết kế và sử dụng.

8. Thoát nước mỏ và bãi thải.

Công tác thoát nước mỏ Nậm Kép bao gồm nước mặt, nước rỏ rỉ từ các mương, rãnh thoát nước, nước ngầm. Tổng lượng nước cần bơm thoát nước cho năm đạt công suất thiết kế là 101.297 m^3/năm, năm lớn nhất là 1.496.375m^3/năm, sử dụng các biện pháp gồm thoát nước tự chảy và bơm cưỡng bức về các hố lắng bùn trước khi đưa ra môi trường.

9. Công tác chế biến khoáng sản.

Đối với sản phẩm quặng tại mỏ thiếc Nậm Kép là thiếc sa khoáng vì vậy thành phần khoáng vật, hàm lượng, chất lượng quặng tương đương với quặng tại mỏ thiếc Tĩnh Túc, bãi thải Thập Lục Phần đang khai thác. Toàn bộ dây chuyền tuyển của các dự án trước có thể sử dụng lại cho dự án Nậm Kép; công nghệ chủ yếu như sau:

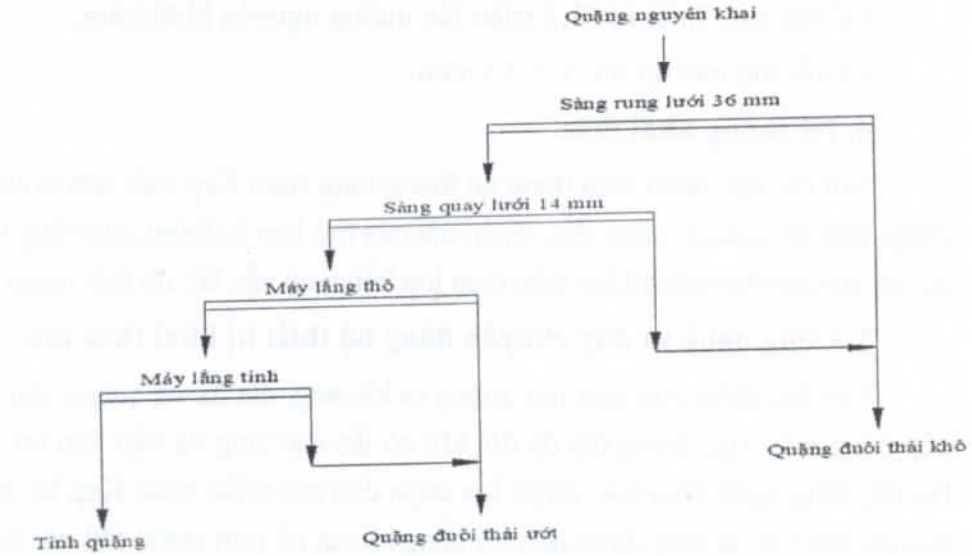

10. Cung cấp điện và trang bị điện

Căn cứ vào công nghệ khai thác, chế biến và bố trí tổng mặt bằng của dự án, phụ tải điện của dự án bao gồm: 05 dây chuyền tuyển thô; hệ thống bơm cấp nước tuyển, bơm thoát nước công trường; Công tác khoan nổ mìn; Hệ thống chiếu sang, sinh hoạt…

Trên cơ sở tính toán các phụ tải điện; Hệ thống điện sẵn có tại khu vực mỏ của Công ty, dự án tiếp tục sử dụng lại 04 TBA 10/0,4 kV, để phục vụ hoạt động sản xuất, nguồn điện được đấu nối từ lưới điện 10 kV của Công ty đi qua khu vực khai trường mỏ. Toàn bộ trang thiết bị điện được sử dụng lại từ các thiết bị sẵn có của dự án trước.

11. Thông tin liên lạc và tự động hóa.

Hệ thống thông tin liên lạc tại đây khá phát triển, các mạng di động đã phủ sóng toàn bộ khu vực; tại khu vực điều hành của Công ty gồm Ban Giám đốc, các phòng ban, Quản đốc phân xưởng đều được trang bị các máy điện thoại thuê bao cố định.

Đối với hệ thống tự động hóa: Các dây chuyền sản xuất của tuyển được điều khiển bằng hệ thống điều khiển điện tập trung, đóng ngắt bằng các thiết bị thông dụng vì vậy không có nhu cầu tự động hóa.

12. Kiến trúc và xây dựng.

Các công trình xây dựng của dự án chủ yếu tại các dây chuyền tuyển thô, bao gồm: Bể nước tập trung, bunke cấp liệu, các móng máy, các nhà che xưởng tuyển, hệ thống kè. Các công trình được xây dựng đơn giản, hợp lý, tạo được không gian và điều kiện làm việc tốt cho người lao động về các mặt thông gió, chiếu sáng, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo mỹ quan.

13. Cung cấp nước và thải nước.

Nước phục vụ cho các hoạt động khai thác, chế biến quặng thiếc bao gồm: Nước dùng cho sinh hoạt; nước cho hoạt động tuyển thô; nước cho công tác rửa xe, tưới đường, phục vụ khác…

Toàn bộ hệ thống nước được lấy trực tiếp từ bể nước tập trung của xưởng tuyển, đối với nước sinh hoạt được đi qua hệ thống lọc hoặc lấy từ các nguồn nước mặt đảm bảo điều kiện để sử dụng.

Đối với nước thải: Các nguồn nước thải sẽ được tập trung về các hố lắng đi qua các rãnh thu gom, sau đó về các bãi thải quặng đuôi của mỏ trước khi đưa ra môi trường. Các nguồn nước thải có yếu tố nguy hại được tập trung thu gom để xử lý theo quy định.

14. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài.

Tổng thể dự án bao gồm: Phần khai trường, mặt bằng khu văn phòng, khu xưởng tuyển thô và các công trình phụ trợ như hệ thống đường xá, hệ thống cung cấp điện, nước, hố lắng môi trường…. Các công trình được bố trí đảm bảo phù hợp với công nghệ khai thác, tuyển, luyện, vận tải, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Đối với hệ thống vận tải ngoài được đấu nối từ QL34 tới mỏ bằng tuyến đường vào khai trường mỏ về phía tây và vận chuyển vật liệu bằng ô tô đơn thuần.

15. Tổ chức xây dựng.

Tiến độ xây dựng các công trình tập trung vào năm 01 của dự án. Các hệ thống bơm, đường điện được di chuyển tùy thuộc vào tiến độ khai thác.

16. Kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy, nổ.

Kỹ thuật an toàn, PCCN được áp dụng nghiêm ngặt theo các Quy chuẩn, quy phạm hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, trong quá trình thi công xây dựng, khai thác, sản xuất và chế biến tùy thuộc vào tình hình thực tế, Công ty sẽ ban hành các quy định đặc thù đảm bảo an toàn cho người lao động.

17. Bảo vệ, cải tạo phục hồi môi trường.

Công tác bảo vệ môi trường được phân chia thành các giai đoạn cụ thể (chuẩn bị, xây dựng, hoạt động, kết thúc) được trình bày cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong dự án đã đưa ra được các tác động, giải pháp và các biện pháp cải tạo, bảo vệ môi trường cụ thể nhằm cải thiện, đảm bảo môi trường lao động an toàn, vệ sinh, tránh ảnh hưởng đến môi trường.

18. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng là 109,0 ha, được chia thành 3 giai đoạn chính phù hợp với nhu cầu sản xuất của mỏ. Giai đoạn 1 bao gồm các công trình đập ngăn sông, đường vào mỏ, hành lang lưới điện, khu vực khai trường mở mỏ và sản xuất 5 năm... (40ha); Giai đoạn 2 và giai đoạn 3 là khu vực công trường khai thác phù hợp với tiến độ sản xuất của mỏ.

19. Tổng mức đầu tư.

Tổng mức đầu tư: 69.758.214.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng)* đã bao gồm thuế VAT.Trong đó:

ĐVT: 1000 đ

TT	Các khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
A	**GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ MỚI**	**58.039.114**	**4.104.781**	**62.243.037**
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	**20.231.450**	**2.023.145**	**22.254.595**
II	**CHI PHÍ THIẾT BỊ**	**14.605.000**	**1.460.500**	**16.065.500**
III	**CHI PHÍ ĐỀN BÙ, GIẢI TOẢ, TÁI ĐỊNH CƯ**	**15.293.820**		**15.293.820**
IV	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHI PHÍ KHÁC**	**6.609.444**	**521.692**	**7.131.136**
1	Chi phí quản lý dự án	720.885	72.088	792.973
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.636.370	363.637	4.000.007

TT	Các khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
3	Chi phí khác	2.252.190	85.966	2.338.156
V	**DỰ PHÒNG**	**1.299.400**	**99.445**	**1.497.987**
1	Dự phòng khối lượng	751.954	60.080	911.176
TT	**Các khoản mục chi phí**	**Giá trị trước thuế**	**Thuế GTGT**	**Giá trị sau thuế**
2	Dự phòng trượt giá	547.446	39.365	586.811
b	**GIÁ TRỊ HIỆN CÓ**	**6.831.979**	**683.198**	**7.515.177**
	TỔNG SỐ	**64.871.093**	**4.787.979**	**69.758.214**

20. Hiệu quả kinh tế-xã hội.

Hiệu quả kinh tế của dự án được tính toán dựa trên giá thành, giá bán, các khoản thuế phí phải nộp cân đối với sản lượng và doanh thu sản phẩm.

Trên cơ sở tổng mức đầu tư, phân tích các chỉ tiêu của dự án như sau:

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV): 1,08 tỷ đồng
- Tỷ số lợi ích/chi phí của dự án (B/C): 1,13
- Hệ số hoàn vốn nội bộ của dự án (IRR): 10,26%
- Thời gian hoàn vốn: 5,6 năm
- Lợi nhuận sau thuế : 68,9 tỷ đồng

(Giá tính doanh thu : Giá thiếc thỏi 24.339 USD/tấn; Vàng 1,0 tỷ/1 kg 70%Au; Ilmenit 800.000 đ/tấn; tinh quặng WO3: 8,0 triệu đồng/tấn.)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, quyết định./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: TCHC, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N:4800129232-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG * TP.CAO BANG T.CAO BANG

Bùi Tiến Hải

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 159/BC-KSLK
Vv: Báo cáo thẩm định "Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng nậm kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng"

Cao Bằng, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Kính gửi: HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12 tháng 05 năm 2006 thông qua và đã được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;

Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2021 và các năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng;

Căn cứ vào Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng "*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*" do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập;

Căn cứ vào Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng "*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*" do Tổ thẩm định của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng lập;

Các căn cứ khác có liên quan.

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án, phục vụ cho chiến lược phát triển lâu dài cho sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng kính đề nghị HĐQT Công ty xem xét, thông qua những nội dung chính của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng "*Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng*" do Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin lập như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Dự án Khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình:

- Nhóm dự án: C

- Loại và cấp công trình: Công trình khai thác mỏ, khoáng sản; Cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ: Công ty Cổ phần khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

- Địa chỉ: Phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Điện thoại: 0263. 505.505; Fax: 0263. 852.579;

- Website: www.cmamc.com.vn

5. Địa điểm xây dựng: Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

6. Giá trị tổng mức đầu tư: 69.758.214.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng)* đã bao gồm thuế VAT.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp, vốn vay thương mại.

8. Thời gian thực hiện dự án: 13 năm

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên, TCVN 5326-2008.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên QCVN 04: 2009/BCT.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất nổ QCVN 01: 2019/BCT.

- Các quy phạm và tiêu chuẩn chuyên ngành thiết kế về xây dựng, giao thông, điện, nước, cơ khí, ...

10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Viện khoa học công nghệ mỏ - VINACOMIN.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN

Dự án đầu tư khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao bằng gồm các nội dung chính như sau:

1. Tài nguyên, trữ lượng và biên giới khai trường.

- Căn cứ vào các báo cáo chuyển đổi cấp trữ lượng và tài nguyên mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép – Cao Bằng đã được hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc

gia công nhận tại Quyết định số 26/QĐ-HĐTL/CĐ ngày 28/5/2007; và báo cáo kết quả nghiên cứu bổ sung ĐCTV – ĐCCT, tổng hợp các tài liệu và tính trữ lượng mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép – Cao Bằng được công nhận tại Quyết định số 1074/QĐ-HĐTLQG ngày 21/9/2017.

Tổng trữ lượng và tài nguyên của mỏ là 4968 tấn caxiterit, tương ứng 3.485 tấn kim loại thiếc. Trong đó:

- Trữ lượng cấp 122 là 3.436 tấn caxiterit tương đương 2.405 tấn kim loại thiếc.

- Tài nguyên cấp 333 là 1.543 tấn caxiterit tương đương 1.080 tấn kim loại thiếc.

- Biên giới khai trường: Trên cơ sở phân tích về tình hình kinh tế, nhu cầu tiêu thụ, chi phí sản xuất, doanh thu, giá bán sản phẩm và lựa chọn dựa trên các nguyên tắc lựa chọn biên giới khai trường để xác định các hệ số bóc kinh tế, hệ số bóc giới hạn đảm bảo dự án khả thi; trên cơ sở đó hệ số bóc giới hạn có thể đạt tới K_{gh} = 1,54 m^3/t.

Biên giới mỏ được xác định trong dự án nằm trong phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, wolfram, antimony đến năm 2025, có xét đến năm 2035 với khối lượng cụ thể như sau:

- Đất đá bóc: 23.688.780 m^3;

- Quặng nguyên khai: 17.141.395 tấn;

- Hệ số bóc biên giới, K_{bg} = 1,382 m^3/tấn

- Trữ lượng huy động vào dự án: Trữ lượng địa chất huy động vào khai thác thiết kế các phương án là: 17.200.565 Tấn quặng, hàm lượng trung bình 355,88 gam SnO_2/m^3.

2. Mở vỉa và trình tự khai thác.

Phương án mở vỉa theo dự án thiết kế là tạo diện công tác đầu tiên tại khu vực tuyến XIX để mở mỏ khu vực phía Tây, đầu vào khai trường mỏ. Hướng phát triển của mỏ tiến dần sang phía Đông của mỏ.

3. Công suất thiết kế, tuổi thọ dự án.

- Công suất thiết kế: 1,5 triệu tấn quặng nguyên khai/năm.

- Tuổi thọ của dự án: T = 13 năm.

4. Hệ thống khai thác.

Với các đặc điểm hiện trạng tại thung lũng Nậm Kép một bên là chân núi đá vôi dựng đứng, một bên là các mỏm đồi, chiều dài của mỏ hơn 3.000m, nơi rộng nhất hơn 500m; Từ đó, dự án chọn hệ thống khai thác theo lớp bằng, có vận tải, đổ thải ngoài và đổ thải trong.

5. Công nghệ và dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác mỏ.

Với đặc điểm của một mỏ quặng sa khoáng, đất đá và quặng chủ yếu được xúc trực tiếp bằng máy xúc, trong đất đá đôi khi có lẫn các tảng đá cần làm tơi trước khi xúc bốc. Do đó, công nghệ khai thác được lựa chọn cho mỏ thiếc Nậm Kép là: Xúc bốc – vận tải – thải đá, đối với đá tảng được làm tơi bằng khoan nổ mìn trước khi xúc bốc.

6. Vận tải trong mỏ.

Trong dự án này, việc vận tải chủ yếu để vận tải quặng từ khai trường về xưởng tuyển, đất đá thải công trường ra bãi thải và đất đá thải từ xưởng tuyển ra bãi thải. Dựa trên các phân tích về kinh tế, hình thức vận tải phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp, dự án đã lựa chọn hình thức vận tải bằng ô tô đơn thuần là hợp lý.

7. Công tác thải đất đá mỏ và thải quặng đuôi.

Tổng khối lượng đất đá thải của dự án khai thác quặng sa khoáng Nậm Kép bao gồm các nguồn:

- Khai trường khai thác mỏ: 23.688.780 m^3.
- Đất đá + bùn thải sau tuyển thô: 8.113.068 m^3.

Khối lượng đất đá thải của mỏ, một phần được đổ thải vào khai trường mỏ Tĩnh Túc đang trong quá trình đóng cửa mỏ của Công ty, phần còn lại được đổ thải trong vào khai trường mỏ Nậm Kép.

Các thông số bãi thải được thiết kế đảm bảo an toàn bờ mỏ, đảm bảo an toàn trong thiết kế và sử dụng.

8. Thoát nước mỏ và bãi thải.

Công tác thoát nước mỏ Nậm Kép bao gồm nước mặt, nước rỏ rỉ từ các mương, rãnh thoát nước, nước ngầm. Tổng lượng nước cần bơm thoát nước cho năm đạt công suất thiết kế là 101.297 m^3/năm, năm lớn nhất là 1.496.375m^3/năm, sử dụng các biện pháp gồm thoát nước tự chảy và bơm cưỡng bức về các hố lắng bùn trước khi đưa ra môi trường.

9. Công tác chế biến khoáng sản.

Đối với sản phẩm quặng tại mỏ thiếc Nậm Kép là thiếc sa khoáng vì vậy thành phần khoáng vật, hàm lượng, chất lượng quặng tương đương với quặng tại mỏ thiếc Tĩnh Túc, bãi thải Thập Lục Phần đang khai thác. Toàn bộ dây chuyền tuyển của các dự án trước có thể sử dụng lại cho dự án Nậm Kép; công nghệ chủ yếu như sau:

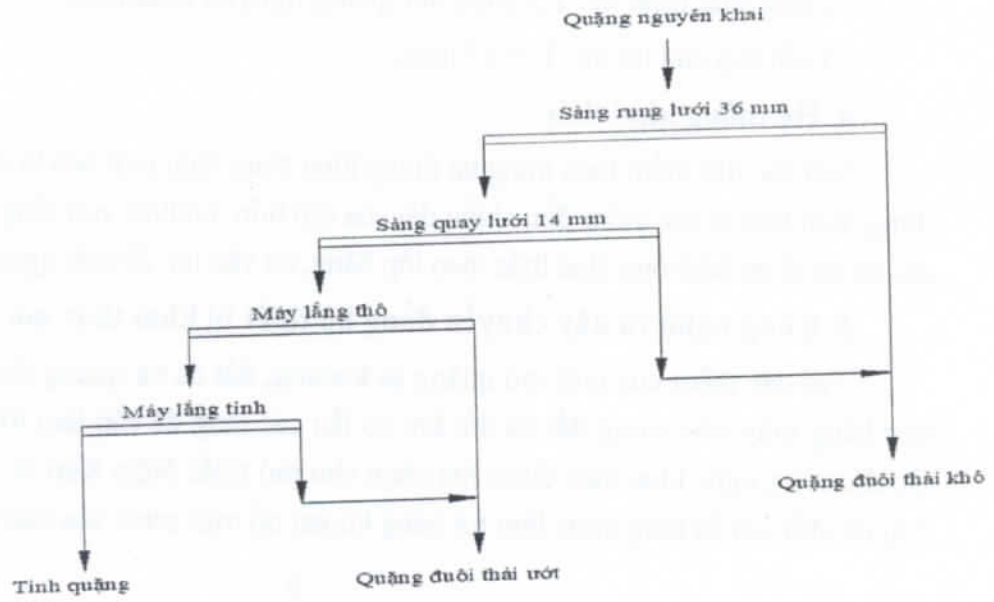

10. Cung cấp điện và trang bị điện

Căn cứ vào công nghệ khai thác, chế biến và bố trí tổng mặt bằng của dự án, phụ tải điện của dự án bao gồm: 05 dây chuyền tuyển thô; hệ thống bơm cấp nước tuyển, bơm thoát nước công trường; Công tác khoan nổ mìn; Hệ thống chiếu sang, sinh hoạt…

Trên cơ sở tính toán các phụ tải điện; Hệ thống điện sẵn có tại khu vực mỏ của Công ty, dự án tiếp tục sử dụng lại 04 TBA 10/0,4 kV, để phục vụ hoạt động sản xuất, nguồn điện được đấu nối từ lưới điện 10 kV của Công ty đi qua khu vực khai trường mỏ. Toàn bộ trang thiết bị điện được sử dụng lại từ các thiết bị sẵn có của dự án trước.

11. Thông tin liên lạc và tự động hóa.

Hệ thống thông tin liên lạc tại đây khá phát triển, các mạng di động đã phủ sóng toàn bộ khu vực; tại khu vực điều hành của Công ty gồm Ban Giám đốc, các phòng ban, Quản đốc phân xưởng đều được trang bị các máy điện thoại thuê bao cố định.

Đối với hệ thống tự động hóa: Các dây chuyền sản xuất của tuyển được điều khiển bằng hệ thống điều khiển điện tập trung, đóng ngắt bằng các thiết bị thông dụng vì vậy không có nhu cầu tự động hóa.

12. Kiến trúc và xây dựng.

Các công trình xây dựng của dự án chủ yếu tại các dây chuyền tuyển thô, bao gồm: Bể nước tập trung, bunke cấp liệu, các móng máy, các nhà che xưởng tuyển, hệ thống kè. Các công trình được xây dựng đơn giản, hợp lý, tạo được không gian và điều kiện làm việc tốt cho người lao động về các mặt thông gió, chiếu sáng, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo mỹ quan.

13. Cung cấp nước và thải nước.

Nước phục vụ cho các hoạt động khai thác, chế biến quặng thiếc bao gồm: Nước dùng cho sinh hoạt; nước cho hoạt động tuyển thô; nước cho công tác rửa xe, tưới đường, phục vụ khác…

Toàn bộ hệ thống nước được lấy trực tiếp từ bể nước tập trung của xưởng tuyển, đối với nước sinh hoạt được đi qua hệ thống lọc hoặc lấy từ các nguồn nước mặt đảm bảo điều kiện để sử dụng.

Đối với nước thải: Các nguồn nước thải sẽ được tập trung về các hố lắng đi qua các rãnh thu gom, sau đó về các bãi thải quặng đuôi của mỏ trước khi đưa ra môi trường. Các nguồn nước thải có yếu tố nguy hại được tập trung thu gom để xử lý theo quy định.

14. Tổng mặt bằng và vận tải ngoài.

Tổng thể dự án bao gồm: Phần khai trường, mặt bằng khu văn phòng, khu xưởng tuyển thô và các công trình phụ trợ như hệ thống đường xá, hệ thống cung cấp điện, nước, hố lắng môi trường…. Các công trình được bố trí đảm bảo phù hợp với công nghệ khai thác, tuyển, luyện, vận tải, tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

Đối với hệ thống vận tải ngoài được đấu nối từ QL34 tới mỏ bằng tuyến đường vào khai trường mỏ về phía tây và vận chuyển vật liệu bằng ô tô đơn thuần.

15. Tổ chức xây dựng.

Tiến độ xây dựng các công trình tập trung vào năm 01 của dự án.Các hệ thống bơm, đường điện được di chuyển tùy thuộc vào tiến độ khai thác.

16. Kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy, nổ.

Kỹ thuật an toàn, PCCN được áp dụng nghiêm ngặt theo các Quy chuẩn, quy phạm hiện hành của Nhà nước. Ngoài ra, trong quá trình thi công xây dựng, khai thác, sản xuất và chế biến tùy thuộc vào tình hình thực tế, Công ty sẽ ban hành các quy định đặc thù đảm bảo an toàn cho người lao động.

17. Bảo vệ, cải tạo phục hồi môi trường.

Công tác bảo vệ môi trường được phân chia thành các giai đoạn cụ thể (chuẩn bị, xây dựng, hoạt động, kết thúc) được trình bày cụ thể trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong dự án đã đưa ra được các tác động, giải pháp và các biện pháp cải tạo, bảo vệ môi trường cụ thể nhằm cải thiện, đảm bảo môi trường lao động an toàn, vệ sinh, tránh ảnh hưởng đến môi trường.

18. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư.

Tổng diện tích giải phóng mặt bằng là 109,0 ha, được chia thành 3 giai đoạn chính phù hợp với nhu cầu sản xuất của mỏ. Giai đoạn 1 bao gồm các công trình đập ngăn sông, đường vào mỏ, hành lang lưới điện, khu vực khai trường mở mỏ và sản xuất 5 năm… (40ha); Giai đoạn 2 và giai đoạn 3 là khu vực công trường khai thác phù hợp với tiến độ sản xuất của mỏ.

19. Tổng mức đầu tư.

Tổng mức đầu tư: 69.758.214.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ, bảy trăm năm mươi tám triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng)* đã bao gồm thuế VAT.Trong đó:

ĐVT: 1000 đ

TT	Các khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
A	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ MỚI	58.039.114	4.104.781	62.243.037
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	20.231.450	2.023.145	22.254.595
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	14.605.000	1.460.500	16.065.500
III	CHI PHÍ ĐỀN BÙ, GIẢI TOẢ, TÁI ĐỊNH CƯ	15.293.820		15.293.820
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN, CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CHI PHÍ KHÁC	6.609.444	521.692	7.131.136

TT	Các khoản mục chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT	Giá trị sau thuế
1	Chi phí quản lý dự án	720.885	72.088	792.973
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.636.370	363.637	4.000.007
3	Chi phí khác	2.252.190	85.966	2.338.156
V	**DỰ PHÒNG**	**1.299.400**	**99.445**	**1.497.987**
1	Dự phòng khối lượng	751.954	60.080	911.176
2	Dự phòng trượt giá	547.446	39.365	586.811
b	**GIÁ TRỊ HIỆN CÓ**	**6.831.979**	**683.198**	**7.515.177**
	TỔNG SỐ	**64.871.093**	**4.787.979**	**69.758.214**

20. Hiệu quả Kinh tế-Xã hội.

Hiệu quả Kinh tế của dự án được tính toán dựa trên giá thành, giá bán, các khoản thuế phí phải nộp cân đối với sản lượng và doanh thu sản phẩm.

Trên cơ sở tổng mức đầu tư, phân tích các chỉ tiêu của dự án như sau:

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV): 1,08 tỷ đồng
- Tỷ số lợi ích/chi phí của dự án (B/C): 1,13
- Hệ số hoàn vốn nội bộ của dự án (IRR): 10,26%
- Thời gian hoàn vốn: 5,6 năm
- Lợi nhuận sau thuế : 68,9 tỷ đồng

(Giá tính doanh thu : Giá thiếc thỏi 24.339 USD/tấn; Vàng 1,0 tỷ/1 kg 70%Au; Ilmenit 800.000 đ/tấn; tinh quặng WO3: 8,0 triệu đồng/tấn.)

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

III.1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi.

1. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thi với quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất; tổng mặt bằng được chấp thuận.

1.1. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thivới quy hoạch ngành.

Căn cứ Quyết định số 956/QĐ-TTg ngày 02/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc, wolfram, antimon đến năm 2025, có xét đến năm 2035: Thiết kế cơ sở của dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng phù hợp với quy hoạch của ngành.

1.2. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thivới quy hoạch sử dụng đất; tổng mặt bằng được chấp thuận.

Căn cứ Văn bản số 137/UBND-CN ngày 26/01/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đồng ý Chủ trương cho Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được lập các thủ tục xin phép hoạt động khoáng sản tại mỏ thiếc sa khoáng

Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng: Dự án khai thác khoáng sản thiếc tại Nậm Kép đã được UBND tỉnh đồng ý chủ trương và đưa vào quy hoạch sử dụng đất, mặt bằng khai thác.

2. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thivới vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

2.1. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thivới vị trí địa điểm xây dựng.

Căn cứ vào tổng mặt bằng mỏ trong thiết kế và các tài liệu địa chất đã có: Địa điểm xây dựng mỏ phù hợp với ranh giới cấp phép khai thác, ranh giới trữ lượng và phù hợp với điều kiện tự nhiên của mỏ.

2.2. Sự phù hợp của Báo cáo nghiên cứu khả thivới khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

Căn cứ vào tổng mặt bằng mỏ và các công trình xây dựng đã có của Công ty thì Báo cáo nghiên cứu khả thi với khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực đảm bảo thông suất, thuận tiện trong các khâu kết nối dây chuyền sản xuất, điều hành.

3. Sự phù hợp của phương án công nghệ và dây chuyền đồng bộ thiết bị khai thác được lựa chọn.

- Đối với phương án công nghệ và dây chuyền đồng bộ khai thiết bị khai thác được lựa chọn đã đảm bảo hiệu quả về đồng bộ thiết bị và hiệu quả kinh tế.

4. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn khai thác, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy.

- Căn cứ các tài liệu địa chất đã có của dự án, các quy định, Quy chuẩn liên quan. Các giải pháp về thiết kế đảm bảo an toàn trong khai thác, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ phù hợp với quy chuẩn hiện hành.

5. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế.

- Trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đã tính toán kỹ các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn và hoạt động của dự án đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật, phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn đã ban hành của Nhà nước.

6. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của chủ nhiệm và chủ trì lập thiết kế.

- Tổ chức, chủ nhiệm và chủ trì lập thiết kế là các cán bộ lành nghề, đã lập và tham gia lập nhiều dự án lớn trên cả nước, đủ tiêu chuẩn và năng lực để thiết kế dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép.

7. Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở.

- Thiết kế cơ sở đã nêu ra dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép được phân theo giai đoạn, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương cũng như đảm bảo phát triển kinh tế bền vững của Công ty.

IV.2. Thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD

1. Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng.

Căn cứ vào các Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng thiếc đã được quy hoạch của Chính phủ; Sự cần thiết duy trì sự phát triển ổn định kinh tế xã hội tại thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao bằng; nhu cầu thị trường của các ngành chế tạo trong nước và thế giới. Khi dự án đi vào hoạt động sẽ tận dụng được nguồn tài nguyên khoáng sản sẵn có tại địa phương, cung cấp cho thị trường nguồn nguyên liệu, mang lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, việc đầu tư sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế trong khu vực và tạo việc làm cho một bộ phận người dân địa phương, mang lại nguồn thu cho Công ty và đóng góp nhiều ngân sách cho Nhà nước.

2. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án.

Dự án được xây dựng trên cơ sở các báo cáo thăm dò sơ bộ đã được thẩm định và công nhận phê duyệt của hội đồng trữ lượng Quốc gia, các nguồn tài liệu đáng tin cậy cho rằng dự án khả thi và có hiệu quả khi đi vào hoạt động.

Công nghệ, thiết bị và các giải pháp đồng bộ được áp dụng trong thiết kế cơ sở đã được chứng minh tại các dự án khu Đông mỏ thiếc Tĩnh Túc và dự án khai thác tận thu bãi thải Thập Lục Phần, hiện đang hoạt động hiệu quả. Một phần nhà xưởng nằm trong dây chuyền hiện có của Công ty đảm bảo khi dự án đi vào hoạt động sẽ đáp ứng cho nhu cầu sản xuất.

Đối với khả năng đáp ứng tốt của hạ tầng giao thông tại địa phương, hạ tầng thông tin liên lạc; nguồn nhân lực sẵn có; kinh nghiệm tổ chức quản lý của Công ty góp phần đưa dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép có hiệu quả khi đi vào hoạt động.

3. Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án.

Các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả của dự án như chi phí, giá thành, các khoản thuế phí liên quan đã được tính chi tiết trong thiết kế cơ sở của dự án; Đồng thời căn cứ vào giá bán sản phẩm, dự báo giá sản phẩm trong các năm tiếp theo làm cơ sở để tính toán các chỉ tiêu kinh tế của dự án (NPV, IRR, T....); Qua đó đảm bảo tính hiệu quả kinh tế xã hội và giảm thiểu rủi ro tài chính của dự án.Tóm tắt đánh giá kinh tế của dự án:

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV): 1,08 tỷ đồng
- Tỷ số lợi ích/chi phí của dự án (B/C): 1,13

- Hệ số hoàn vốn nội bộ của dự án (IRR): 10,26%
- Thời gian hoàn vốn: 5,6 năm
- Lợi nhuận sau thuế 68,9 tỷ đồng

IV. KẾT LUẬN

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng *"Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng"* đủ điều kiện để trình xem xét, thông qua và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là báo cáo của tổ thẩm đinh về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng *"Dự án khai thác quặng thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng"*

Kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua để Công ty triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (b/c);
- Ban điều hành;
- Lưu KTAT; TCHC.

TỔ TRƯỞNG
TỔ THẨM ĐỊNH

M.S.D.N: 4800129... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG TP. CAO BẰNG

Đỗ Hữu Chiêm

Thành viên Tổ thẩm định theo Quyết định số 138/QĐ-KSLK ngày 17/3/2021

1	Ông Đỗ Hữu Chiêm	Phó giám đốc	Tổ trưởng tổ thẩm định	
2	Ông Nông Văn Duẩn	PP. KTAT	Thành viên	
3	Ông Trương Văn Hải	CV phòng KTAT	Thư ký (tổng hợp)	
4	Ông Đặng Giang Nam	PP. KHKD	Thành viên	
5	Ông Đàm Nông Minh	PP. TCHC	Thành viên	
6	Ông Cung Lê Hoàng	PP. TCKT	Thành viên	